

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21 tháng 02 năm 2025
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Lâm Sơn; ông Lê Văn Phụng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Trọng Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:*
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 801/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4028/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ka L, sinh năm 1975; địa chỉ: số E, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ka L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ka L và ông Nguyễn Quốc V do quen biết tìm hiểu nhau trước cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang ngày 26/6/2013; hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do không tôn trọng lẫn nhau, xảy ra bất hòa, cả hai đã tìm cách hàn gắn nhưng không được và ông V đã bỏ đi từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà L yêu cầu xin ly hôn với ông V.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lam G, sinh ngày 22/10/2008 và Nguyễn Thị Lam B, sinh ngày 28/3/2012, hiện đang sống chung với bà L. Khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc V đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Quốc V đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ka L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Quốc V vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ka L đối với ông Nguyễn Quốc V. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ka L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Lam G, sinh ngày 22/10/2008; Nguyễn Thị Lam B, sinh ngày 28/3/2012. Ông Nguyễn Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ka L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Quốc V nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Quốc V với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ka L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông V không đến tham gia phiên Tòa. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ka L với ông Nguyễn Quốc Văn tự N tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Nguyễn Thị Ka L cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài, không có tiếng nói chung, vợ chồng cũng đã hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn mục đích hôn nhân không đạt nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông V. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V biết về việc bà L xin ly hôn với ông V cũng như tạo điều kiện để ông V, bà L hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông V không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không có ý kiến đối với việc bà L xin ly hôn với ông, điều này chứng tỏ ông V không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận.

Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lam G, sinh ngày 22/10/2008 và Nguyễn Thị Lam B, sinh ngày 28/3/2012. Hiện các con đang sống với bà L, khi ly hôn bà L yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì các con do bà L nuôi dưỡng vẫn phát triển khỏe mạnh và các con cũng có nguyện vọng sống chung với bà L nên việc bà L xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Bên cạnh việc được nuôi dưỡng con chung thì bà L và các thành viên gia đình bà L phải tạo điều kiện để ông V được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà L không có yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do bà L không yêu nên không xét đến.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ka L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ka L được ly hôn với ông Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lam G, sinh ngày 22/10/2008 và Nguyễn Thị Lam B, sinh ngày 28/3/2012.

Bà Nguyễn Thị Ka L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Lam G, sinh ngày 22/10/2008 và Nguyễn Thị Lam B, sinh ngày 28/3/2012.

Bà Nguyễn Thị Ka L và các thành viên gia đình bà L tạo điều kiện để ông Nguyễn Quốc V được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ka L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0023724 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 25/11/2024. Bà Ly đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền